

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh giá tối thiểu tính thuế tài nguyên đối với nan thanh
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên; Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế;

Căn cứ Thông tư số 52/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1455/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2357/TTr-STC-QLCSGC ngày 16/6/2016 đề nghị điều chỉnh giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh giá tối thiểu tính thuế tài nguyên đối với nan thanh tại Quyết định số 1455/2016/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh, cụ thể như sau:

Nội dung điều chỉnh:

Số TT	Loại tài nguyên	Đơn vị tính	Mức giá tối thiểu	Ghi chú
A	Sản phẩm rừng tự nhiên			
16	Nan thanh			
	Trong đó: - Nan thưa	1.000đ/tấn	2.000	
	- Nan chặt	1.000đ/tấn	1.800	

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
 - Bộ Tài chính, Bộ TN&MT;
 - Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu QH Thanh Hóa;
 - Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - UB MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
 - Các ban HĐND tỉnh;
 - Công báo tỉnh Thanh Hóa;
 - Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
 - Lưu: VT, KTTC (HYT16974).
- QDCD 16-011

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *das*



Lê Thị Thìn